

Số: *631* /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *14* tháng *3* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên
Trường Đại học Tài chính – Marketing**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-ĐHTCM ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chương trình chuẩn) định hướng ứng dụng, trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-ĐHTCM ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao định hướng ứng dụng, trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2652/QĐ-ĐHTCM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao tiếng anh toàn phần định hướng ứng dụng, trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định đề án Đào tạo kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing ngày 24 tháng 12 năm 2022;

Căn cứ Báo cáo về việc tiếp thu và chỉnh sửa đề án Đào tạo kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing ngày 30 tháng 12 năm 2022;



Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định đào tạo kỹ năng mềm tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo và Trưởng phòng Quản lý khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

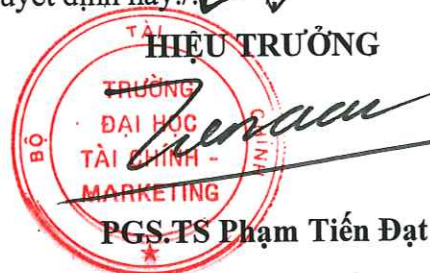
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 2. Đề án được áp dụng cho sinh viên thuộc các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên, Trưởng các đơn vị thuộc Trường có liên quan, toàn thể giảng viên, viên chức và sinh viên, học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓ ✓

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH. ✓



**BỘ TÀI CHÍNH**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING
(Ban hành kèm theo Quyết định số. 631.../ĐHTCM ngày 14 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Thành phố Hồ Chí Minh, 12/2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU	3
1.1. Thông tin chung của đề án	3
1.2. Tính cấp thiết của đề án.....	3
1.3. Cơ sở xây dựng đề án	4
1.3.1. Cơ sở pháp lý.....	5
1.3.2. Cơ sở thực tiễn	5
1.4. Mục tiêu của đề án	7
1.4.1. Mục tiêu chung	7
1.4.2. Mục tiêu cụ thể.....	7
1.5. Phương pháp nghiên cứu.....	7
1.6. Kết cấu của đề án	7
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG	8
2.1. Đào tạo Kỹ năng mềm.....	8
2.1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm.....	8
2.1.2. Phân loại Kỹ năng mềm.....	9
2.1.3. Một số mô hình đào tạo Kỹ năng mềm tại Việt Nam	10
2.2. Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng	11
2.2.1. Đào tạo theo định hướng ứng dụng.....	12
2.2.2. Đặc điểm của đào tạo theo định hướng ứng dụng	12
2.2.3. Phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên được đào tạo theo định hướng ứng dụng	14
a. Định nghĩa sinh viên	14
CHƯƠNG 3:	16
ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING	16
TỪ NĂM HỌC 2022 – 2023	16
3.1. Quan điểm chung về đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng tại trường Đại học Tài chính - Marketing.....	16
3.2. Tổ chức đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng tại trường Đại học Tài chính - Marketing	22
3.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá và hình thức thi cử Kỹ năng mềm tại trường Đại học Tài chính – Marketing	22
CHƯƠNG 4:	24

TRIỂN KHAI NỘI DUNG ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING24

4.1. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường Đại học Tài chính – Marketing.....	24
Là một đơn vị thuộc trường Đại học Tài chính – Marketing, để triển khai nhiệm vụ đề án, Viện ĐTTX xác định những công việc sau đây:	24
4.2. Về nhân sự.....	26
4.3. Về hoạt động đảm bảo chất lượng.....	27
4.3.1. Đối với Bộ môn Kỹ năng mềm.....	28
4.3.2. Đối với Giảng viên.....	28
4.4. Về cơ sở vật chất.....	29
4.5. Về tài chính	29
4.7. Về lộ trình triển khai đề án	32

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ	Viết tắt
1	Đại học Tài chính – Marketing	UFM
2	Sinh viên	SV
3	Kỹ năng mềm	KNM
4	Chương trình đào tạo	CTĐT
5	Viện Đào tạo thường xuyên	Viện ĐTTX
6	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. HCM

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU

1.1. Thông tin chung của đề án

- **Tên đề án:** “Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing từ năm 2023”

- **Đối tượng đào tạo:** Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing từ năm 2023.

- **Thời gian thực hiện:** Bắt đầu từ Học kỳ 1 năm 2023

- **Đơn vị phụ trách đào tạo:** Bộ môn Kỹ năng mềm – Viện Đào tạo thường xuyên – Trường Đại học Tài chính - Marketing

Địa chỉ: Phòng D.004 – số 778, Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại liên hệ: 028.3997.71.71

Email: ice@ufm.edu.vn

Website: <http://www.ice.ufm.edu.vn>

- **Phương thức đào tạo:** Đào tạo ngắn hạn theo từng khóa học (lich học cụ thể sẽ thông báo tới học viên từng khóa) thông qua một số mô hình sau:

+ **Trực tiếp** (tại lớp học) tại các cơ sở đào tạo của Trường: Trực tiếp giảng dạy và huấn luyện thực hành cho sinh viên ngay tại lớp.

+ **Trực tuyến** (dự phòng khi không được dạy tập trung do khách quan và là nơi giao tiếp gián tiếp giữa giảng viên và sinh viên) qua phần mềm Microsoft Teams, cung cấp video bài giảng đối với một số nội dung có thể truyền tải bằng hình thức online tùy theo tình hình thực tế.

1.2. Tính cấp thiết của đề án

Việc xây dựng đề án đào tạo KNM được xem là một hoạt động cấp thiết và phù hợp tại thời điểm và bối cảnh chung của xã hội cũng như phù hợp định hướng của Bộ Giáo dục Đào tạo và Chiến lược Đào tạo của trường Đại học Tài chính - Marketing nói chung và Bộ môn KNM nói riêng. Ban xây dựng đề án xuất phát từ sự cần thiết bởi các lý do sau đây:

- Do những thay đổi trong khung chương trình đào tạo của trường Đại học Tài chính – Marketing, KNM không còn nằm trong chuẩn đầu ra chương trình đào tạo mà trở thành điều kiện xét tốt nghiệp của sinh viên. Sự thay đổi này buộc Bộ môn KNM phải tái cấu trúc CTĐT KNM.

- Xuất phát từ định hướng giảng dạy KNM theo hướng ứng dụng và dựa trên kết quả các cuộc họp chuyên môn được thống kê và lưu trữ trong giai đoạn từ năm 2019 - 2022; dựa trên chuỗi các hoạt động hội thảo của Viện Kinh tế Ứng dụng và Viện Đào tạo Thường xuyên bao gồm: Hội thảo năm 2019: “*Ứng dụng tâm lý học vào nghiên cứu, đào tạo và tư vấn trong*

lĩnh vực kinh tế” và “Xây dựng hệ thống bài tập thực hành và đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập trong và sau quá trình giáo dục kỹ năng mềm tại trường Đại học Tài chính - Marketing”; Hội thảo năm 2020: “Đổi mới hoạt động giáo dục đào tạo Kỹ năng mềm theo chuẩn đầu ra tại trường Đại học Tài chính - Marketing”; Hội thảo năm 2021: “Xây dựng hệ thống công cụ đánh giá kết quả đào tạo kỹ năng mềm tại trường Đại học Tài chính - Marketing”; Hội thảo năm 2022: “Đổi mới hoạt động giảng dạy Kỹ năng mềm tại Trường đại học Tài chính - Marketing theo định hướng ứng dụng” cho thấy chương trình KNM theo hình thức 08 môn học kỹ năng mềm bao gồm: 1. KN Tư duy sáng tạo, 2. KN Giao tiếp, 3. KN Tìm việc, 4. KN Thuyết trình, 5. KN Giải quyết vấn đề, 6. KN Quản lý thời gian, 7. KN Làm việc nhóm, 8. KN Khám phá bản thân và Lập kế hoạch nghề nghiệp cho thấy đang bắt cập một số khía cạnh sau: một số môn học có sự liên kết rất chặt chẽ theo hướng nội dung môn học này là điều kiện tiên quyết của môn học kia; trên thực tế sinh viên có thể chưa học đồng bộ một lúc hết các môn dẫn đến bắt buộc giảng viên đứng lớp phải hệ thống lại các kiến thức môn học liên đới, đây cũng chính là lý do cần giảng dạy tích hợp môn học để thuận tiện cho quá trình tổ chức hoạt động dạy và học. Kết quả của quá trình họp chuyên môn cùng nhiều phiên hội thảo nhằm làm căn cứ đánh giá về mặt khoa học, cũng như về mặt thực tiễn đã thống nhất đào tạo KNM theo định hướng ứng dụng sẽ tích hợp môn học thành 06 KN như sau: 1. KN Lập kế hoạch nghề nghiệp và Tìm việc, 2. Kỹ năng Giao tiếp và ứng xử hiệu quả, 3. KN Thuyết trình và Làm việc nhóm, 4. KN Tổ chức công việc và Quản lý thời gian, 5. KN Giải quyết vấn đề và Ra quyết định, 6. KN Tư duy sáng tạo.

Trước sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và Chuyển đổi số dẫn đến sự tác động đến tái cấu trúc đào tạo KNM trên các phương diện: 1. Bằng cấp (chuyên môn được đào tạo), 2. Bằng cấp bổ trợ (chuyên môn sâu về một năng lực thao tác ngành nghề khác có liên đới), 3. Chứng chỉ (các chứng chỉ nâng cao và chứng chỉ bổ trợ cho chuyên môn chính), 4. Kiến thức liên nghề (những kiến thức, kỹ năng về các khía cạnh như: pháp luật, chính trị, xã hội... có liên quan đến chuyên ngành đang được đào tạo. Bên cạnh đó, sau 4 - 6 năm học Đại học, kiến thức chuyên môn của sinh viên đôi khi đã trở nên lạc hậu (đó là chưa nói đến việc chậm trễ thay đổi giáo trình học và việc chậm cập nhật kiến thức mới của giảng viên). Trong thời kỳ phát triển của khoa học công nghệ, một số ngành nghề có thể phải dừng đào tạo và được thay thế bằng các ngành khác ưu việt hơn. Do đó, việc thuần thục các kỹ năng mềm sẽ giúp người lao động dễ dàng và nhanh chóng hơn trong việc tiếp cận, thay đổi và thích ứng với tình hình mới.

Như vậy, việc tái cấu trúc chương trình đào tạo KNM được xem là nhu cầu cấp thiết của Viện ĐTTX, trường Đại học Tài chính - Marketing hiện nay. Kết quả của việc tái cấu trúc CTĐT KNM theo định hướng ứng dụng sẽ giúp xây dựng nội dung, cách thức tổ chức giảng dạy, đo lường đánh giá. Điều này nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực có năng lực sử dụng KNM của xã hội trong thời đại Chuyển đổi số và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

1.3. Cơ sở xây dựng đề án

1.3.1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Chỉ thị 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-ĐHTCM ngày 13/8/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Marketing về việc Ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc Đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- Căn cứ Luật Giáo Dục Đại Học số 08/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/06/2012 và có hiệu lực từ 1/1/2013.
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 38/2018/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 19/11/2018.
- Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học.
- Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 17/10/2022 của Hội đồng Trường Đại học Tài chính – Marketing phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHTCM ngày 28/9/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Marketing về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ (tiếng Anh), tin học, kỹ năng mềm đối với sinh viên các khóa tuyển sinh năm 2022 trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

1.3.2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ vào thực tiễn đào tạo hệ thống 08 kỹ năng trong 10 năm qua tại UFM thông qua các cuộc họp bộ môn (2019 - 2022), chuỗi các hội thảo (2019 - 2022), thực tiễn mô hình đào tạo tích hợp của một số trường Đại học (Cao đẳng FPT Polytechnic, trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, trường Đại học Văn Lang), sự tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 và Chuyển đổi số đến tái cấu trúc đào tạo của giáo dục nói chung và KNM nói riêng (xu hướng tích hợp KNM của nhân sự). Đây chính là thời điểm cần thiết để điều chỉnh và cải tiến nội dung chương trình đào tạo kỹ năng mềm tại UFM với những cập nhật theo định hướng ứng dụng, cụ thể như sau:

- **Kỹ năng Tổ chức công việc và Quản lý thời gian** đặt lại vấn đề về mục tiêu của việc sử dụng thời gian hiệu quả của người học, từ đó dẫn đến việc tối ưu hóa các nguồn lực để sử dụng cho tổ chức công việc để đạt được mục tiêu đó. Chỉ có như thế, các công cụ Quản lý thời gian đã được học mới có cơ hội phát huy tác dụng. Môn học này được điều chỉnh lại và phát triển trên nền của Kỹ năng Quản lý thời gian nhưng được điều chỉnh với tỉ lệ 50% của Kỹ năng Tổ chức công việc. Tính ứng dụng của kỹ năng này sẽ cao hơn khi được kết hợp

với hệ thống các bài tập, hoạt động và thực hành dựa vào công việc chuyên môn của các chuyên ngành sinh viên đang học.

- **Kỹ năng Thuyết trình và Làm việc nhóm** là kỹ năng được tạo ra từ việc kết hợp có chọn lọc 2 kỹ năng cũ là Thuyết trình và Làm việc nhóm. Cơ sở của việc điều chỉnh này là 02 kỹ năng này sinh viên trong tất cả các môn học tại UFM đều có cơ hội học tập và thực hành rất nhiều, vì vậy việc tách riêng ra để đào tạo như cũ là có tính lặp lại. Việc kết hợp thành 1 kỹ năng nhằm tập trung vào nhấn mạnh các kỹ thuật đặc biệt và các yếu tố nâng cao kỹ năng trong việc Thuyết trình và Làm việc nhóm để sinh viên nhận được những giá trị nâng cao và áp dụng tốt vào học tập cũng như công việc sau này. Hơn nữa, đây cũng là một sự kết hợp mới mà hiện chưa có đơn vị đào tạo nào làm, tuy nhiên tại UFM thì việc kết hợp này đã được thực hiện từ hơn 3 năm nay cho hệ Cao đẳng và đạt được nhiều kết quả tốt.

- **Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả** được điều chỉnh lại dựa trên khung nội dung Kỹ năng Giao tiếp cũ, tuy nhiên, sự đổi mới này tập trung nhiều hơn vào tính ứng dụng và yếu tố hiệu quả. Nội dung giảng dạy sẽ lược bỏ hoặc giới thiệu qua về các cơ sở Tâm lý học và tập trung nhiều hơn vào kỹ thuật ứng dụng để đạt được hiệu quả trong giao tiếp. Hệ thống bài tập và thực hành cũng được điều chỉnh và lấy chất liệu từ cuộc sống và công việc chuyên môn của các ngành mà sinh viên đang theo học.

- **Kỹ năng Giải quyết vấn đề và Ra quyết định** điều chỉnh trên Kỹ năng Giải quyết vấn đề cũ. Tuy nhiên, học phần mới được điều chỉnh gia tăng thêm với 40% thời lượng và nội dung cho phần Ra quyết định. Điểm mới ở kỹ năng này so với trước kia là giúp cho người học có thể nắm bắt và vận dụng được nhiều phương pháp ra quyết định để chọn lựa được phương án tối ưu phục vụ cho việc Ra quyết định trong môi trường nhiều biến động. Hệ thống bài tập thực hành cũng được điều chỉnh mới dựa trên các tình huống thực tế của các ngành nghề mà sinh viên đang học và sẽ làm khi ra trường.

- **Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và Tìm việc** là một hướng đi mới khi tập trung nội dung và thời gian đào tạo cho sinh viên nhận thức rõ hướng đi của mình trong tương lai để có thể chuẩn bị tốt hơn cho quá trình tìm việc, thậm chí từ năm học thứ 2. Trong nội dung này, giảm nội dung Khám phá bản thân, thay vào đó, sẽ tích hợp xử lý những kiến thức này cho phần Tìm việc. Do đó, Kỹ năng này sẽ tập trung hơn cho sinh viên trong việc Hoạch định tương lai của chính mình và có kế hoạch xây dựng những nền tảng vững chắc cho mục tiêu nghề nghiệp của bản thân.

- **Kỹ năng Tư duy sáng tạo** là kỹ năng đặc biệt hiếm có trường nào giảng dạy cho SV vì lý do không có giảng viên nguồn, thậm chí việc đào tạo ngoài cũng không có. Thuận lợi của UFM là môn học này đã được đào tạo 10 năm và đội ngũ giảng viên nguồn hiện có rất tốt và khá đủ trong lần điều chỉnh này thì nội dung môn học sẽ được tăng thêm các tình huống sáng tạo liên quan đến ứng dụng trong ngành nghề mà UFM đang đào tạo.

1.4. Mục tiêu của đề án

1.4.1. Mục tiêu chung

Xây dựng chương trình đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên trường Đại học Tài chính - Marketing từ năm học 2022 – 2023 trở về sau.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng cơ sở lý luận của đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng.
- Đề xuất các học phần Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng được đào tạo tại trường. Đề xuất hình thức tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá Kỹ năng mềm tại trường Đại học Tài chính – Marketing.
- Tổ chức triển khai đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng tại trường Đại học Tài chính – Marketing từ năm học 2022 - 2023.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Đề án chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, trong đó có sử dụng các kỹ thuật phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chứng với thực tiễn đào tạo kỹ năng mềm tại UFM trong 10 năm qua, tham khảo chương trình đào tạo Kỹ năng mềm tại các cơ sở giáo dục đại học khác tại Việt Nam. Ngoài ra, đề án căn cứ điều kiện thực tế về tầm nhìn của nhà trường, từ đó, đề xuất chương trình đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng.

1.6. Kết cấu của đề án

Đề án này được kết cấu làm bốn chương chính như sau:

- Chương 1: Tổng quan của Đề án
- Chương 2: Cơ sở lý luận về đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng
- Chương 3: Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên trường Đại học Tài chính - Marketing từ năm học 2022 - 2023
- Chương 4: Triển khai Đề án Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng cho sinh viên trường Đại học Tài chính - Marketing từ năm học 2022 – 2023

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

2.1. Đào tạo Kỹ năng mềm

2.1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm

Tùy theo nhiều yếu tố như lĩnh vực nghề nghiệp, góc nhìn chuyên môn, ngữ cảnh... kỹ năng mềm được hiểu theo nhiều định nghĩa khác nhau. Trong bài viết tổng quát về Kỹ năng mềm với tựa đề: “Khái niệm, đặc điểm, phân loại Kỹ năng mềm”, chúng tôi nhận thấy có các quan điểm sau:

Tác giả Forland, Jeremy định nghĩa Kỹ năng mềm là một thuật ngữ thiên về mặt xã hội: Đó là “một thuật ngữ thiên về mặt xã hội để chỉ những kỹ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hiệu quả trong giao tiếp giữa người với người. Nói khác đi, đó là kỹ năng liên quan đến việc con người hòa mình, chung sống và tương tác với cá nhân khác, nhóm, tập thể, tổ chức và cộng đồng”.

Theo nhà nghiên cứu N.J. Patrick, "Kỹ năng mềm là khả năng, là cách thức chúng ta tiếp cận và phản ứng với môi trường xung quanh, không phụ thuộc và trình độ chuyên môn và kiến thức. Kỹ năng mềm không phải là yếu tố bẩm sinh về tính cách hay là những kiến thức của sự hiểu biết lý thuyết mà đó là khả năng thích nghi với môi trường và con người để tạo ra sự tương tác hiệu quả trên bình diện cá nhân và cả công việc". Như vậy, cách tiếp cận của N.J. Patrick về kỹ năng mềm là khả năng, cách thức chúng ta thích ứng với môi trường.

Trong khi đó, Michal Pollick tiếp cận dưới góc nhìn kỹ năng mềm là một năng lực thuộc về Trí tuệ cảm xúc: "Kỹ năng mềm đề cập đến một con người có biểu hiện của EQ (Emotional Intelligence Quotient), đó là những đặc điểm về tính cách, khả năng giao tiếp, ngôn ngữ, thói quen cá nhân, sự thân thiện, sự lạc quan trong mối quan hệ với người khác và trong công việc".

Tác giả Giuseppe Giusti lại cho rằng kỹ năng mềm là những biểu hiện cụ thể của năng lực hành vi: "Kỹ năng mềm là những biểu hiện cụ thể của năng lực hành vi, đặc biệt là những kỹ năng cá nhân hay kỹ năng con người. Kỹ năng mềm thường gắn liền với những thể hiện của tính cách cá nhân trong một tương tác cụ thể, đó là kỹ năng chuyên biệt rất "người" của con người".

Một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam như Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Đinh Thị Kim Thoa cho rằng, kỹ năng mềm là thuật ngữ dùng để chỉ các kỹ năng thuộc về trí tuệ cảm xúc, những yếu tố ảnh hưởng đến sự xác lập mối quan hệ với người khác, cụ thể: "Kỹ năng mềm là thuật ngữ dùng để chỉ các kỹ năng thuộc về trí tuệ cảm xúc như: một số nét tính cách (quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo và đổi mới), sự tế nhị, kỹ năng ứng xử, thói quen, sự lạc quan, chân thành, kỹ năng làm việc theo nhóm... Đây là những yếu tố ảnh hưởng đến sự xác lập mối quan hệ với người khác”.

Tóm lại, theo nhóm tác giả, kỹ năng mềm là những kỹ năng cần thiết giúp con người thích ứng với sự thay đổi của môi trường nhằm duy trì tốt mối quan hệ làm việc tích cực, đồng thời có năng lực quản lý bản thân để nâng cao hiệu quả làm việc trong những môi trường khác nhau.

2.1.2. Phân loại Kỹ năng mềm

Có một số hướng phân loại cơ bản về Kỹ năng mềm như sau:

(1) Nhóm kỹ năng tương tác với con người (Cá nhân với cá nhân; cá nhân với tổ chức) và nhóm kỹ năng hỗ trợ cho quá trình làm việc của cá nhân tại một thời điểm, địa bàn và vị trí cụ thể trong nhóm, tổ chức.

(2) Nhóm kỹ năng trong quan hệ với con người và nhóm kỹ năng thuộc về sự tự chủ trong công việc và những hành vi tích cực trong nghề nghiệp.

(3) Nhóm kỹ năng hướng vào bản thân và nhóm kỹ năng hướng vào người khác.

Có thể chi tiết hóa về Kỹ năng mềm dựa trên những quan điểm cụ thể của một số tác giả nghiên cứu về Kỹ năng mềm dưới các góc độ khác nhau:

(1) Ở góc độ khái quát, KNM trong kinh doanh thuộc một trong ba loại sau đây:

- Tính tương tác với người khác (Khách hàng & Đồng nghiệp).
- Tính chuyên nghiệp và làm việc có đạo đức.
- Tư duy phê phán và khả năng giải quyết vấn đề

Trong những loại Kỹ năng trên, sẽ có những kỹ năng cụ thể tương ứng với một số nghề nghiệp theo đúng yêu cầu đặc trưng của Kỹ năng mềm.

(2) Liệt kê các Kỹ năng mềm gắn chặt với các kỹ năng lao động chuyên nghiệp

Theo Bộ Lao động Mỹ cùng với Hiệp hội Đào tạo và phát triển Mỹ đã nghiên cứu và đưa ra 13 Kỹ năng để thành công trong công việc và những Kỹ năng mềm đóng vai trò trung tâm:

- Kỹ năng học và tự học (Learning to learn).
- Kỹ năng lắng nghe (Listening skills).
- Kỹ năng thuyết trình (Oral communication skills).
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem solving skills).
- Kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative thinking skills).
- Kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn (Self-esteem skills).
- Kỹ năng xác lập mục tiêu/tạo động lực làm việc (Goal setting/Motivation skills).
- Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp (Personal and career development skills)

- Kỹ năng giao tiếp và tạo lập mối quan hệ (Interpersonal skills).
- Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills).
- Kỹ năng thương lượng (Negotiation skills).
- Kỹ năng tổ chức công việc hiệu quả (Organization effectiveness skills).
- Kỹ năng lãnh đạo (Leadership skills).

Tài liệu "Kỹ năng hành nghề cho tương lai" xuất bản tại Úc với sự tham gia của nhiều tổ chức chuyên môn thì cho rằng, có 08 Kỹ năng hành nghề như sau:

- Kỹ năng giao tiếp (Communication skills).
- Kỹ năng làm việc đồng đội (Teamwork skills).
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem solving skills).
- Kỹ năng sáng tạo và mạo hiểm (Initiative and enterprise skills).
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and organising skills).
- Kỹ năng quản lý bản thân (Self-management skills).
- Kỹ năng học tập (Learning skills).
- Kỹ năng về công nghệ (Technology skills).

Trên đây là một số hướng/cách phân loại phổ biến về kỹ năng mềm. Các hướng phân loại theo một số lượng nhất định có thể điều chỉnh phù hợp theo từng nghề nghiệp và công việc khác nhau, nhưng rõ ràng, trong những kỹ năng đã nêu có những kỹ năng trở thành kỹ năng nghề nghiệp của một số ngành nghề nhất định.

2.1.3. Một số mô hình đào tạo Kỹ năng mềm tại Việt Nam

a) Đào tạo kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bách Khoa TPHCM

Kỹ năng mềm là một trong những môn học thuộc học kỳ Pre-University của trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM. Tất cả sinh viên chương trình Chất lượng cao tiếng Anh/tiếng Nhật, chương trình Tiên tiến, Liên kết Quốc tế đều được học Kỹ năng mềm. Chương trình Kỹ năng mềm của trường được giảng dạy theo dạng tích hợp: 6 kỹ năng sẽ được lồng ghép giảng dạy trong 11 tuần trên lớp. 06 kỹ năng này gồm:

- Kỹ năng nhận thức bản thân;
- Kỹ năng giao tiếp và trình bày;
- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng giải quyết vấn đề;
- Tư duy sáng tạo

- Phương pháp học tập hiệu quả

Ngoài các hoạt động diễn ra trên lớp, sinh viên phải tham gia các hoạt động cấp trường như OISP Camp (hoạt động bắt buộc dành cho tất cả sinh viên) và cuộc thi Presentation Contest (dành cho nhóm có dự án cộng đồng được điểm cao nhất trong mỗi lớp). Trong đó, 5 đội chiến thắng Presentation Contest sẽ được tham gia Study Tour.

b) Đào tạo kỹ năng mềm tại Trường Đại học Văn Lang

Tại trường Đại học Văn Lang, từ năm 2018, Kỹ năng mềm được xem là một yêu cầu trong chuẩn đầu ra của tất cả các ngành. Hoạt động đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học Văn Lang được giao cho Trung tâm Phát triển năng lực sinh viên tổ chức vận hành với các kỹ năng sau:

- Kỹ năng học Đại học
- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình
- Kỹ năng giao tiếp và Kỹ năng nghề nghiệp
- Kỹ năng tư duy phản biện
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tư duy thiết kế và đổi mới sáng tạo

Tất cả sinh viên của Trường đều được yêu cầu tham gia và đạt đủ 06 kỹ năng trên thì mới thỏa mãn yêu cầu chuẩn đầu ra của Trường.

c) Đào tạo kỹ năng mềm tại Trường Đại học Trà Vinh

Tại trường Đại học Trà Vinh, kỹ năng mềm là học phần bắt buộc mà mọi SV thuộc tất cả các chương trình đào tạo hệ Cao đẳng và Đại học của nhà trường phải hoàn thành trước khi tốt nghiệp, bao gồm:

- 01 chuyên đề bắt buộc phải hoàn thành trong năm học thứ nhất – Kỹ năng xây dựng hồ sơ năng lực điện tử (E-portfolio)
- 04 chuyên đề tự chọn phải hoàn thành trong năm học thứ hai, sinh viên được tự chọn 4/12 chuyên đề kỹ năng sau: Đàm phán; Giao tiếp; Giải quyết vấn đề; Kiểm soát sự căng thẳng; Làm việc nhóm; Quản lý sự thay đổi; Quản lý tài chính cá nhân; Quản lý thời gian và Tổ chức công việc; Thuyết trình; Tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu; Tư duy phản biện; Tư duy sáng tạo.

2.2. Đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng

Đào tạo theo định hướng ứng dụng là cách thức để các cơ sở giáo dục đáp ứng tốt nhu cầu xã hội hiện nay về nguồn nhân lực. Các nội dung đào tạo phải gắn liền với thực tiễn công việc, hình thành ở người học những kỹ năng và năng lực cụ thể trong những lĩnh vực chuyên môn rõ ràng.

2.2.1. Đào tạo theo định hướng ứng dụng

Nghị quyết 14/2005/NQ-CP được chính phủ ban hành nhằm mục đích đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006 - 2020, yêu cầu “*Đổi mới giáo dục đại học phải đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả và đồng bộ [...] phải tiến hành đổi mới từ mục tiêu, quy trình, nội dung đến phương pháp dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập [...]. Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp ứng dụng, trong đó khoảng 70 - 80% sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp ứng dụng vào năm 2020.*”

Nghị định 73/2015/NĐ-CP quy định tại Khoản 5 Điều 2 “*Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng là chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.*”

Thực hiện chính sách “đào tạo theo nhu cầu xã hội” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng (Professional - Oriented Higher Education - POHE) thuộc dự án Giáo dục đại học Việt Nam - Phần Lan đã được triển khai ở các trường đại học trong nước từ năm 2005 với mục tiêu nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên bằng cách xây dựng các chương trình đào tạo lấy nhu cầu của thị trường lao động làm trung tâm.

Quyết định 2294/QĐ-ĐHTCM ngày 29/12/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến 2030 đã sửa đổi và bổ sung Mục tiêu của trường “*...Đến năm 2020, Trường là một cơ sở giáo dục tự chủ, định hướng ứng dụng ...*” và điều chỉnh mục tiêu cụ thể về đào tạo “*Đến năm 2020, quy mô đào tạo của Trường ở mức 19.700 sinh viên, trong đó, số lượng sinh viên cao đẳng là 1.800 sinh viên; số lượng chương trình đào tạo định hướng ứng dụng là 60 - 65%. Định hướng đến năm 2030, Trường chỉ đào tạo trình độ đại học, sau đại học và ổn định quy mô đào tạo ở mức 19.500, trong đó, số lượng chương trình đào tạo định hướng ứng dụng chiếm tỉ trọng 65 - 70%*”.

2.2.2. Đặc điểm của đào tạo theo định hướng ứng dụng

Đào tạo theo định hướng ứng dụng có những đặc trưng như sau:

- Phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản: lý thuyết, lý luận cơ bản
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ nguồn tạo thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh
- Phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

Từ những đặc trưng này, chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

- Cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết, lý luận khoa học cơ bản, phù hợp và có thể áp dụng trực tiếp vào ngành nghề

- Giúp người học phát triển tư duy phương pháp để vận dụng các kiến thức lý thuyết, khoa học công nghệ đã được trang bị để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cụ thể cũng như có thể sáng tạo trong việc giải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình làm việc.

Có nhiều cách tiếp cận để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, trong đó, tác giả nhận thấy cách tiếp cận năng lực, đề cao khả năng người học có thể giải quyết được công việc cụ thể nào đó thông qua thực tế nghề nghiệp. Chương trình đào tạo theo cách tiếp cận này quan tâm đến cách thức mà người học vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội để giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình làm việc tại các doanh nghiệp.

Để thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng đòi hỏi nhà trường phải tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu thị trường lao động để xây dựng nên hồ sơ năng lực nghề nghiệp - chuẩn đầu ra cho người học; từ đó làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo (mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá). Tất cả những yêu cầu này nhằm mục đích hình thành và phát triển được các năng lực cụ thể để người học có thể thực hiện thành thực, hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể theo mô tả công việc ở vị trí đảm nhận tại doanh nghiệp khi họ ra trường.

Hướng tiếp cận năng lực đòi hỏi chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng có những đặc điểm cơ bản sau:

- Chương trình đào tạo mở và dựa vào năng lực
- Phẩm chất nghề nghiệp của người học được xác định rõ ràng
- Có sự tham gia của thị trường lao động trong quá trình đào tạo
- Phương pháp học dựa vào năng lực
- Kết hợp các phương pháp sư phạm: học phần thiết kế theo dạng modul - giải quyết trọn vẹn một năng lực; học qua dự án; thực hành nghề nghiệp
- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa vào năng lực
- Hướng vào “người học là trung tâm”: người học chủ động, người dạy hỗ trợ thúc đẩy.

Tóm lại, dựa trên khái niệm Kỹ năng mềm và quan điểm về Đào tạo theo định hướng ứng dụng, nhóm nghiên cứu cho rằng Kỹ năng mềm đào tạo theo định hướng ứng dụng là kỹ năng cần thiết giúp con người thích ứng với sự thay đổi của môi trường nhằm duy trì mối quan hệ tích cực có căn cứ về mặt lý luận, phù hợp ứng dụng của khoa học công nghệ nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của con người. Từ đó, người học có thể thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể tại các vị trí việc làm chuyên môn tại các doanh nghiệp.

2.2.3. Phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên được đào tạo theo định hướng ứng dụng

a) Định nghĩa sinh viên

Thuật ngữ sinh viên có nguồn gốc từ tiếng Latinh “student” có nghĩa là người làm việc, học tập nhiệt tình, người tìm kiếm, khai thác tri thức. Nó cùng nghĩa tương đương với từ student trong tiếng Anh, “etudiant” trong tiếng Pháp và “студент” trong tiếng Nga để chỉ những người theo học ở bậc đại học.

Theo Từ điển Giáo dục học, “sinh viên” là người học tại cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học (Bùi Hiền, 2001). Theo Luật Giáo dục đại học, “sinh viên” là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục đại học, theo học chương trình đào tạo cao đẳng, chương trình đào tạo đại học (Quốc hội, 2012). Từ những quan điểm trên, nhóm nghiên cứu thống nhất định nghĩa “sinh viên” là những công dân có độ tuổi từ 18 – 25 đang học tập ở bậc đại học, cao đẳng. Ở đó họ được truyền đạt kiến thức bài bản về một ngành nghề, chuẩn bị cho công việc sau này. Họ được xã hội công nhận qua những bằng cấp đạt được trong quá trình học.

b) Phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên được đào tạo theo định hướng ứng dụng

Với sự phát triển và ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của Cách mạng Công nghệ 4.0, cùng sự biến động của thế giới trên nhiều lĩnh vực đã tạo ra một bối cảnh chứa đựng nhiều cơ hội lẫn thách thức to lớn cho nguồn nhân lực hiện nay. Điều này yêu cầu sinh viên cần được trang bị những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao cũng như có khả năng thích ứng trong sự thay đổi nhanh chóng của xã hội. Những phẩm chất nghề nghiệp quan trọng sinh viên cần có là:

- Nghề nghiệp có tính thích ứng và phổ rộng
- Có tính liên ngành
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn
- Chuyển giao công nghệ và giải quyết vấn đề
- Tính sáng tạo và phức tạp trong hành động
- Làm việc theo cách giải quyết vấn đề
- Được đào tạo để có các kỹ năng mềm: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng giao tiếp xã hội, thể hiện năng lực tiên phong trong lĩnh vực chuyên môn
- Có khả năng thể hiện tư duy và hành động, làm việc một cách có tổ chức
- Có tinh thần trách nhiệm với xã hội và sẵn sàng thay đổi khi cần thiết
- Là một người có khả năng học tập suốt đời, luôn biết cách cập nhật và mở mang hiểu biết vì tiến bộ của nhân loại.

Nhìn chung, đào tạo theo định hướng ứng dụng chú trọng nhiều hơn vào các hoạt động thực hành nhằm giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp. Chính điều này giúp sinh viên tự tin hơn khi đối mặt với các tình huống cụ thể trong công việc. Việc giúp sinh viên hình thành những kỹ năng mềm cần thiết rất được chú trọng trong định hướng đào tạo này.

CHƯƠNG 3:

ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHỖ SINH VIÊN ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING TỪ NĂM HỌC 2022 – 2023

3.1. Quan điểm chung về đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng tại trường Đại học Tài chính - Marketing

Để thực hiện việc đổi mới hoạt động đào tạo KNM tại Trường Đại học Tài chính – Marketing theo định hướng ứng dụng, kể từ học kỳ 1 năm học 2023, các hình thức tổ chức đào tạo, giảng dạy sau sẽ được áp dụng trong quá trình đào tạo kỹ năng mềm cho toàn bộ sinh viên UFM không phân biệt chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

a) Đào tạo kỹ năng mềm thông qua giảng dạy tại lớp học

Hình thức tổ chức đào tạo này được áp dụng cho việc đào tạo tất cả các KNM trên theo thời lượng 15 tiết (tương đương 1 tín chỉ) cho toàn bộ sinh viên UFM không phân biệt chương trình đào tạo.

Hoạt động đào tạo này nhằm đảm bảo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và ít nhất tất cả sinh viên tham gia học được hướng dẫn trực tiếp về phương pháp và cách thực tổ chức thực hiện kỹ năng theo hình thức nhóm hoặc cá nhân ngay tại lớp học.

b) Đào tạo kỹ năng mềm thông qua các hoạt động dự án

Dự án (Project) thường được hiểu là một kế hoạch hoàn chỉnh nhằm đạt được một mục tiêu cụ thể trong một thời gian xác định với những nguồn lực liên quan. Một dự án là tổng hợp của những vấn đề, đòi hỏi phải có sự kiên trì và nỗ lực trong việc phân tích để tìm kiếm cách thức phù hợp giải quyết vấn đề đó với những nguồn lực nhất định (tài chính, trang thiết bị, nhân lực, thuận lợi và khó khăn ...).

Theo định nghĩa của Bộ Giáo dục Singapore, học tập qua dự án (Project – Based Learning - PBL) là hoạt động học tập nhằm tạo cơ hội cho người học tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.

Theo TS. Lư Thu Thủy (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2015), ngày nay, dạy học theo dự án được coi là một hình thức dạy học vì khi thực hiện một dự án phải có nhiều phương pháp dạy học cụ thể được sử dụng. Đây là một hình thức dạy học trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp và có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để tạo ra sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thể hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập. Làm việc nhóm là hình thức làm việc cơ bản của PBL.

Tác giả Nguyễn Văn Cường (2010) cho rằng “*Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập*”.

Theo CDIO, “*Học tập qua dự án là một phương pháp giảng dạy, qua đó sinh viên học được chuỗi các kỹ năng và nội dung chính của môn học thông qua quá trình sáng tạo ra các dự án của riêng họ. Đôi khi các dự án này là những giải pháp cho một vấn đề của thế giới thực. Nhưng điều quan trọng nhất trong học qua dự án là người học được học trong quá trình làm ra sản phẩm. Họ làm việc trong các nhóm, họ trao đổi và chia sẻ những trải nghiệm, khả năng, phong cách học tập và quan điểm riêng khi thực hiện dự án.*”

Như vậy, có thể thấy đặc điểm nổi bật của mô hình dạy học này là người học tham gia tích cực, chủ động và độc lập vào các giai đoạn của quá trình dạy học, từ việc xác định mục tiêu, lập kế hoạch, phân công công việc đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, đôn đốc, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Trong khi đó, giảng viên chủ yếu thực hiện vai trò người cố vấn, hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ cho nhóm trong quá trình thực hiện. Bản chất của học tập qua dự án là người học lĩnh hội kiến thức và kỹ năng thông qua việc giải quyết nhiệm vụ trong dự án chứ không theo hình thức truyền thụ một chiều và thụ động từ người dạy như các phương pháp dạy học truyền thống.

PBL có thể được phân loại theo nhiều dạng khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại PBL phổ biến:

- **Phân loại theo sự tham gia của người học:** có dự án cho nhóm và dự án cá nhân.

- **Phân loại theo sự tham gia của giảng viên:** dự án dưới sự hướng dẫn của một giảng viên, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều giảng viên.

- **Phân loại theo nhiệm vụ:**

Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.

Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.

Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.

Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

- **Phân loại theo chuyên môn:**

Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.

Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.

Dự án ngoài chuyên môn: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

- **Phân loại theo tính chất của dự án:**

Dự án cộng đồng

Dự án học thuật.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng. Trong phạm vi môn Kỹ năng Làm việc nhóm, ý tưởng thực hiện dự án không giới hạn, trong đó khuyến khích sinh viên tự xác định lĩnh vực quan tâm tìm hiểu.

Quy trình tổ chức dạy học qua dự án

PBL được tiến hành theo các bước sau đây:

- **Bước 1:** Giảng viên gợi ý giúp người học phát hiện vấn đề thực tiễn có liên quan đến nội dung, chương trình giảng dạy, từ đó xây dựng ý tưởng dự án.
- **Bước 2:** Giảng viên triển khai dự án cho người học
 - Tổ chức nhóm, phân công
 - Giao nhiệm vụ cho người học
 - Hướng dẫn tài liệu cho người học
- **Bước 3:** Tổ chức thực hiện dự án
 - Theo dõi, đôn đốc kịp thời
 - Xử lý thông tin phản hồi
- **Bước 4:** Nghiệm thu dự án
 - Sinh viên trình bày sản phẩm
 - Giảng viên góp ý, nhận xét và đánh giá, cho điểm
- **Bước 5:** Chia sẻ sản phẩm cho cộng đồng

Trong quá trình học, SV sẽ được giao thực hiện các dự án liên quan đến kỹ năng mình đang học. SV sẽ nhận được những yêu cầu về chất lượng và thời gian thực hiện dự án tùy theo nội dung học và ngành học của mình. Các dự án được tổ chức theo nhóm hoặc cá nhân do các sinh viên thực hiện trong và ngoài lớp trong suốt quá trình học.

- Đối với chương trình Chuẩn, đảm bảo trong quá trình học sinh viên được giao thực hiện ít nhất 01 dự án.

- Đối với chương trình Chất lượng cao - Chất lượng cao tiếng Anh toàn phần, đảm bảo trong quá trình học sinh viên được giao thực hiện ít nhất 02 dự án.

Các lĩnh vực của dự án có thể là các hoạt động Đoàn Hội, các hoạt động thiện nguyện, các hoạt động sáng tạo, các hoạt động câu lạc bộ v.v...

Các môn KNM áp dụng hình thức đào tạo kỹ năng mềm thông qua các hoạt động dự án là: Kỹ năng Tổ chức công việc và Quản lý thời gian; Kỹ năng Giao tiếp và ứng xử hiệu quả; Kỹ năng Giải quyết vấn đề và Ra quyết định; Kỹ năng Thuyết trình và Làm việc nhóm; Kỹ năng tư duy sáng tạo.

c) Đào tạo kỹ năng mềm thông qua các hoạt động trải nghiệm:

Quan niệm về giáo dục trải nghiệm: Tiền thân của Hiệp hội “Giáo dục trải nghiệm”, 1977, (Association for Experiential Education - AEE) là những câu lạc bộ như “Câu lạc bộ trồng ngô” (1902), “Hướng đạo sinh” (1907) ... Những câu lạc bộ này có mục đích dạy học sinh thực hành, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp thông qua các công việc nhà nông thực tế, ứng dụng học tập qua lao động, trải nghiệm. Khoảng 100 năm sau, “Giáo dục trải nghiệm” đã chính thức được thừa nhận bằng văn bản và được phổ biến rộng rãi. Tại Hội nghị thượng đỉnh Liên Hiệp quốc về phát triển bền vững (2002), chương trình “Dạy và học vì một tương lai bền vững” đã được UNESCO thông qua, trong đó có học phần quan trọng về “Giáo dục trải nghiệm” được giới thiệu, phổ biến và phát triển sâu rộng. Quan điểm học qua trải nghiệm đã trở thành tư tưởng giáo dục chính thống khi gắn liền với những nghiên cứu của các nhà Tâm lý học, Giáo dục học như John Dewey, Kurt Lewin, William James, Jean Piaget, Carl Rogers, Lev Vygotsky, Carl Jung, David Kolb, ... và hiện nay, tư tưởng “Học thông qua làm, học qua trải nghiệm” vẫn là một trong triết lý giáo dục điển hình không chỉ ở Mỹ.

Giáo dục trải nghiệm là một phạm trù bao hàm nhiều phương pháp, trong đó, người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, định hình các giá trị sống và phát triển tiềm năng bản thân, tiến tới đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Người dạy ở đây có thể là: giáo viên, giảng viên, tình nguyện viên, hướng dẫn viên, huấn luyện viên, ... Điều này thể hiện tính đơn giản, đa dạng, phổ biến và ứng dụng của giáo dục trải nghiệm.

Quá trình học qua trải nghiệm giúp người học được sử dụng toàn diện: trí tuệ, cảm xúc, thể chất, kỹ năng và các quan hệ xã hội trong quá trình tham gia. Trải nghiệm được thiết kế để yêu cầu người học phải sáng tạo, tự chủ, tự ra quyết định và thỏa mãn với kết quả đạt được. Qua giáo dục trải nghiệm, người học được tham gia tích cực vào việc: đặt câu hỏi, tìm tòi, trải nghiệm, giải quyết vấn đề, tự chịu trách nhiệm. Kết quả của trải nghiệm cũng quan trọng như quá trình thực hiện và những điều học được từ trải nghiệm đó. Kết quả đạt được là của cá nhân, tạo cơ sở nền tảng cho việc học và trải nghiệm của cá nhân đó trong tương lai. Các mối quan hệ được hình thành và hoàn thiện: người học với bản thân mình, người học với những người khác, và người học với thế giới xung quanh.

Lý thuyết học trải nghiệm của D. Kolb: Theo Lý thuyết Học tập trải nghiệm của D. Kolb, học tập là một quá trình mà ở đó tri thức được tạo ra thông qua sự biến đổi, chuyển hóa kinh nghiệm. Đó là quá trình thông qua hành động (việc làm), chủ thể tạo ra tri thức mới trên cơ sở trải nghiệm thực tế, dựa trên đánh giá, phân tích những kinh nghiệm, kiến thức sẵn có nhờ sự tác động của “kiến thức” tiếp thu được qua hành động với đối tượng. Quá trình học từ trải nghiệm gồm 6 đặc điểm: (1) Việc học tốt nhất cần chú trọng đến quá trình chứ không phải kết quả; (2) Học là một quá trình liên tục trên nền tảng kinh nghiệm; (3) Học tập đòi hỏi việc giải quyết xung đột giữa mô hình lý thuyết với cuộc sống thực tiễn; (4) Học tập là một quá trình toàn diện về thích ứng với cuộc sống thực tiễn; (5) Học tập là sự kết nối giữa con người

với môi trường; (6) Học tập là quá trình kiến tạo ra những tri thức, nó là kết quả của sự chuyển hóa giữa kiến thức xã hội và kiến thức cá nhân.

Trên quan điểm đó, David Kolb đã giới thiệu mô hình học tập dựa trên trải nghiệm (model of experiential learning, thường được biết đến với cái tên Chu trình học tập Kolb) dựa trên các công trình nghiên cứu của John Dewey và Kurt Lewin. Chu trình này nhằm “quy trình hóa” việc học với các bước (giai đoạn) và thao tác được định nghĩa rõ ràng. Thông qua chu trình này, người dạy và người học đều có thể cải tiến liên tục chất lượng cũng như trình độ của việc dạy và học.

Theo Kolb, người học tiếp thu được kiến thức từ việc biến đổi các kinh nghiệm thu được trong quá trình hoạt động trải nghiệm. Quá trình học trải nghiệm trải qua 4 bước sau:

- Bước 1: Trải nghiệm rời rạc (Concrete Experience - CE): Ở giai đoạn này, người học có thể tham gia học tập bài giảng từ giảng viên, sưu tầm và đọc tài liệu chuyên môn liên quan đến chuyên ngành, xem các video clip, khai thác thông tin trên internet, hoặc đã thử tập làm theo hướng dẫn của giảng viên về nội dung liên quan đến môn học, ... Các yếu tố đó sẽ tạo ra những kinh nghiệm nhất định cho người học, đó chính là thứ “nguyên liệu đầu vào” quan trọng của quá trình học tập. Tuy nhiên, những nguyên liệu đó mới chỉ dừng lại ở những giác quan của người học cảm nhận được, chỉ là kinh nghiệm mang tính chất “rời rạc và phân tán” và theo lý thuyết trải nghiệm thì đó mới chỉ là sự khởi đầu cho quá trình học tập. Song song đó, người dạy tạo điều kiện cho người học trải nghiệm thông qua việc giao nhiệm vụ để giải quyết vấn đề tình huống thực tế. Trong quá trình trải nghiệm, người học thu thập những kinh nghiệm thông qua các giác quan cảm nhận được đồng thời huy động, nhớ lại những hiểu biết đã có liên quan để kết nối kiến thức trải nghiệm và lưu giữ theo cách riêng.

- Bước 2: Quan sát có suy tưởng (Reflection Observation — RO): người dạy sử dụng kỹ thuật tạo sự tương tác đa chiều để giúp người học trình bày ý kiến, thảo luận với nhau và tham gia sâu hơn vào quá trình học tập và để giúp người học phân tích, suy xét, so sánh và đánh giá các sự kiện với kiến thức đã biết để nhận thức kinh nghiệm thu thập một cách đầy đủ hơn, từ đó, có được sự điều chỉnh một cách phù hợp cách học tập của mình. Những đánh giá, phân tích này phải mang yếu tố “phản tỉnh”, nghĩa là người học phải tự mình quan sát, đánh giá, suy tưởng hay phản ánh về những kinh nghiệm đó xem cụ thể ra sao, bản thân có nắm bắt được nội dung, có hiểu nội dung hay không, nó có gì hợp lý, bất hợp lý nhất là có yếu tố nào trái ngược với những kinh nghiệm mình đã/ vừa tích lũy hay không. Vậy nên trong quá trình học tập, người học phải suy nghĩ, ghi chép lại những thông tin mình quan sát, cảm nhận, nắm bắt được một cách tự nhiên theo nhu cầu của cá nhân, từ đó sẽ giúp người học rút ra được những bài học lý thú và quý báu song phải hiệu quả thiết thực, cũng qua đó người học tự nhận biết và tự định hướng cho mình trong chặng đường học tập tiếp theo.

- Bước 3: Khái niệm hoá (Abstract Conceptualization -AC): Trong giai đoạn này, người học tự nâng cao thêm một tầm nhận thức mới, khi đã quan sát, suy tưởng và phản ánh đầy đủ mọi thông tin một cách sâu sắc chính là lúc người học tự biết khái niệm hóa các kinh nghiệm

đã được tích lũy, từ đó có khái niệm, nói một cách chính xác hơn đó là tạo ra một “lý thuyết mới” về nội dung liên quan. Muốn vậy, người dạy cần tổ chức và hướng dẫn người học phân tích, tổng hợp và khái quát hóa những dữ kiện để hình thành trí thức mới, ý tưởng mới. Đây là bước quan trọng để người học hệ thống các kinh nghiệm đã có chuyển đổi thành tri thức mới. Tuy nhiên, kiến thức này có thể được xem như một giả thuyết và cần phải được đưa vào thực tiễn để kiểm nghiệm.

- Bước 4: Thử nghiệm tích cực (Active Experimentation - AE): Nếu như ở Bước 3, người học đã có một kết luận được đúc rút từ thực tiễn, đó được coi như một giả thuyết và nhất thiết phải được đưa vào thực tiễn để kiểm nghiệm. Tri thức có được hình thành hay không chính là do quá trình kiểm chứng từ thực tiễn. Đây là bước cuối cùng để khẳng định hoặc phủ nhận khái niệm từ khâu trước. Khi người học được nói và làm những điều mà họ suy nghĩ thì sẽ thôi thúc họ luôn đào sâu suy nghĩ không những tự học ngay trên lớp, trong phòng thí nghiệm, trong giờ tự học, mà còn học ở mọi nơi, mọi lúc. Và điều quan trọng hơn cả là khi tốt nghiệp ra trường họ có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự hoàn thiện mình đáp ứng được sự thay đổi do yêu cầu của nghề nghiệp, cũng như sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ kỹ thuật. Do đó, người dạy định hướng phương pháp thực hiện, cách áp dụng cụ thể để người học áp dụng vào tình huống cụ thể để kiểm chứng kết quả khái quát hóa.

Điểm nhấn của hình thức đào tạo thông qua các hoạt động trải nghiệm là cung cấp và hướng dẫn, kèm cặp để sinh viên tham gia các trải nghiệm thực tế, từ đó sinh viên rút ra được những kinh nghiệm, tổng kết cá nhân để đối chiếu với kiến thức đã được học tại lớp và giúp hình thành kỹ năng nhanh hơn. Hình thức này được áp dụng cho tất cả 6 kỹ năng trên. Tuy nhiên, hình thức này cần khá nhiều thời gian tổ chức thực hiện nên chỉ áp dụng được cho sinh viên chương trình Chất lượng cao.

d) Đào tạo kỹ năng mềm thông qua các hoạt động tự học, tự nghiên cứu:

SV của tất cả các chương trình đào tạo của UFM khi đăng ký và tham gia học 06 KNM trên đều được giảng viên cung cấp và hướng dẫn để thực hiện hoạt động tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu của Đề cương môn học. Ngoài ra, tùy từng môn học, Giảng viên sẽ có thể cung cấp thêm cho sinh viên các học liệu và tài liệu tham khảo hữu ích có liên quan đến kỹ năng đang học.

Hình thức đào tạo này yêu cầu người học phải có tính tự giác cao và mong muốn được hoàn thiện kỹ năng của mình. Đối với một số kỹ năng như Kỹ năng Thuyết trình và Làm việc nhóm, Kỹ năng Tư duy sáng tạo, Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả sẽ được áp dụng phương pháp đào tạo “lớp học đảo ngược” với sinh viên chương trình Chất lượng cao – Chất lượng cao tiếng Anh toàn phần. Ở đó, sinh viên là trung tâm thực hiện các hoạt động tự học, tự nghiên cứu và trình bày - giảng viên là huấn luyện viên định hướng, hỗ trợ và điều chỉnh quá trình, hoạt động này sẽ giúp tăng tính chủ động của sinh viên trong việc học và thực hành kỹ năng.

e) Đào tạo kỹ năng mềm thông qua các hoạt động thực tập nghề nghiệp:

Hình thức đào tạo này khuyến khích được áp dụng cho các sinh viên đã và đang đi thực tập. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm thông qua lớp học và sau đó sẽ thực hiện các hoạt động nhận thức, trải nghiệm, tổng kết kiến thức kỹ năng mềm thông qua thực tế trải nghiệm trong quá trình thực tập nghề nghiệp. Hoạt động này cũng được tính điểm quá trình nhằm giúp sinh viên đang phải đi thực tập thuận tiện hơn.

Hình thức này áp dụng được cho sinh viên tất cả các chương trình và với tất cả các kỹ năng được đào tạo tại trường Đại học Tài chính – Marketing.

3.2. Tổ chức đào tạo Kỹ năng mềm theo định hướng ứng dụng tại trường Đại học Tài chính - Marketing

- Thời gian học của mỗi học phần kỹ năng mềm: 15 tiết (01 tín chỉ), áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo của trường Đại học Tài chính – Marketing:
 - + Thời lượng: 04 tiết/ buổi
 - + Thời gian: 04 tuần (tuần cuối 03 tiết)
 - + Số lượng Sinh viên: tối đa 30 sinh viên/lớp học phần
 - + Theo đề cương từng học phần cụ thể (xem Phụ lục đính kèm)
- Sinh viên chọn lựa 3 trên 6 học phần sau đây theo lộ trình đăng ký khuyến nghị như sau:
 - + Sinh viên năm 1, năm 2 khuyến nghị học các Kỹ năng mềm sau (gọi là Nhóm kỹ năng mềm 1):
 - Kỹ năng Tổ chức công việc và Quản lý thời gian
 - Kỹ năng Thuyết trình và Làm việc nhóm
 - Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả
 - + Sinh viên năm 3, năm 4 khuyến nghị học các Kỹ năng mềm sau (gọi là Nhóm kỹ năng mềm 2)
 - Kỹ năng Giải quyết vấn đề và Ra quyết định
 - Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và Tìm việc
 - Kỹ năng Tư duy sáng tạo

3.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá và hình thức thi cử Kỹ năng mềm tại trường Đại học Tài chính – Marketing

Đối với sinh viên khóa 2022 trở về trước: hình thức đánh giá và thi cử căn cứ trên các đề cương môn học đã công bố và không có gì thay đổi. Đối với sinh viên khóa 2023 trở đi, đào tạo KNM theo nội dung đề án này và có hình thức đánh giá thay đổi cụ thể như sau:

- + Tiêu chí đánh giá được thể hiện cụ thể trong từng đề cương học phần (xem trong Phụ lục), là kết quả cụ thể của tất cả các hoạt động của sinh viên tham gia quá trình học KNM tại lớp hoặc các hoạt động khác tùy theo từng học phần.
- + Tất cả điểm số được tính theo thang điểm 10. Tỷ lệ điểm của các hoạt động căn cứ theo đề cương của từng môn học, nhưng phải đảm bảo trong mỗi môn học, mọi sinh viên đều phải được tham gia ít nhất 02 hoạt động có tính điểm thành phần.
- + Điểm bình quân môn học sẽ được tính theo tỷ lệ qui định điểm thành phần của từng môn học và được qui định cụ thể theo đề cương đính kèm. Giảng viên có trách nhiệm công bố cho sinh viên hình thức và phương pháp tính điểm ngay trong buổi học đầu tiên của môn học. Kết thúc buổi học cuối cùng, Giảng viên có trách nhiệm công bố điểm ngay tại lớp và cho sinh viên ký tên bảng điểm.
- + Sinh viên đạt kết quả điểm bình quân môn học từ 5/10 trở lên được công nhận kết quả Đạt đối với môn học đó.
- + Các sinh viên có điểm số bình quân thấp hơn 5/10 sẽ được yêu cầu học lại.
- + Sinh viên có điểm số Đạt của 3/6 kỹ năng mà UFM cung cấp sẽ được cấp chứng chỉ Kỹ năng mềm xác nhận Đủ điều kiện đầu ra của UFM.

Hình thức đánh giá trên là phù hợp với đặc điểm tình hình Viện ĐTTX trong năm học 2022 – 2023. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng cũng như vận hành chung với sự phát triển của xã hội, hình thức đánh giá và thi cử sẽ liên tục được xem xét và cân nhắc thay đổi sau một năm triển khai đề án này. Điều này được thể hiện trong lộ trình xây dựng đề án, được trình bày ở chương 4.

CHƯƠNG 4:

TRIỂN KHAI NỘI DUNG ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

4.1. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường Đại học Tài chính – Marketing

Là một đơn vị thuộc trường Đại học Tài chính – Marketing, để triển khai nhiệm vụ đề án, Viện ĐTTX xác định những công việc sau đây:

- a) Lập và công bố kế hoạch đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên toàn trường;
- b) Phối hợp phòng Quản lý đào tạo Tổ chức việc đăng ký các học phần kỹ năng mềm, rút bớt học phần đã đăng ký, đăng ký học lại, học cải thiện điểm, lập danh sách lớp học các học phần kỹ năng mềm trên hệ thống UIS
- c) Phối hợp với các đơn vị giải quyết nhu cầu chuyển đổi các học phần kỹ năng mềm của sinh viên học từ chương trình chất lượng cao... sang đại trà và ngược lại hoặc giữa các chương trình (nếu có).
- d) Theo dõi, quản lý, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện đào tạo kỹ năng mềm theo đúng Quy định này;
- e) Thực hiện các công việc về đề cương học phần, bài giảng, giáo trình, tài liệu, đề thi kỹ năng mềm và sinh hoạt chuyên môn;
- f) Thực hiện các thủ tục ký hợp đồng giảng dạy;
- g) Quản lý giảng viên tham gia giảng dạy các lớp kỹ năng mềm, phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo và Phòng Kế hoạch – Tài chính thanh toán thù lao giảng dạy cho giảng viên;
- h) Trả lời, giải đáp thắc mắc, cung cấp các thông tin liên quan đến đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, phụ huynh và các đối tượng khác có quan tâm;
- i) Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo; đề cương chi tiết học phần, tài liệu sau mỗi năm học;
- j) Tổng kết đánh giá việc đào tạo kỹ năng mềm;
- k) Cung cấp kết quả đánh giá điểm quá trình học của sinh viên cho Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí – Quản lý Chất lượng;
- l) Cung cấp các dụng cụ cần thiết cho giảng viên giảng dạy và chấm thi các học phần kỹ năng mềm;
- m) Phối hợp với các đơn vị mời các chuyên gia, các nhà quản lý tham gia huấn luyện, báo cáo chuyên đề, ... về kỹ năng mềm cho các khóa học;
- n) Lập Danh sách các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân được, đủ điều kiện công nhận kết quả học các học phần kỹ năng mềm trình Hiệu trưởng phê duyệt;

o) Tổ chức xét chuyển đổi và công nhận kết quả học các học phần kỹ năng mềm tại các cơ sở giáo dục đại học khác;

p) Lập Danh sách, trình lãnh đạo nhà trường xem xét ký Quyết định công nhận đạt yêu cầu từng học phần kỹ năng mềm.

q) Cung cấp dữ liệu, quyết định sinh viên đạt điều kiện về Kỹ năng mềm cho phòng Quản Lý đào tạo để phục vụ công tác xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy.

r) Các công việc khác theo sự phân công của Nhà trường.

Viện ĐTTX cần có sự phối hợp với các khoa, phòng ban với từng nhiệm vụ của các đơn vị được đề xuất như sau:

- Nhiệm vụ của Phòng Quản lý đào tạo:

a) Công bố chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên đầu mỗi khóa học; xây dựng mã học phần kỹ năng mềm, mã lớp, mã phòng học, mã giảng viên;

b) Hỗ trợ Viện Đào tạo thường xuyên tổ chức việc xây dựng lịch học, đăng ký các học phần kỹ năng mềm, rút bớt học phần đã đăng ký, đăng ký học lại, học cải thiện điểm, lập danh sách lớp học các học phần kỹ năng mềm;

- Nhiệm vụ của Phòng Khảo thí – Quản lý Chất lượng:

a) Cung cấp Bảng điểm đánh giá quá trình từng lớp học trong tuần đầu tiên của lớp học phần theo kế hoạch;

b) Lập Kế hoạch thi các học phần kỹ năng mềm cho học kỳ, năm học;

c) Tổ chức việc thi kết thúc học phần, chấm thi, chấm phúc khảo; quản lý điểm quá trình, tổng hợp điểm, công bố điểm, lưu trữ điểm cho từng đợt mở lớp, học kỳ, năm học;

d) Giải quyết vấn đề đăng ký kỳ thi phụ, vắng thi kỹ năng mềm cho sinh viên;

e) Tổ chức xác nhận và cung cấp kết quả học tập các học phần kỹ năng mềm cho SV;

f) Cung cấp Danh sách sinh viên có kết quả học đạt yêu cầu (loại giỏi, khá, trung bình) từng học phần kỹ năng mềm cho Viện ĐTTX;

g) Thực hiện việc khảo sát, đánh giá ý kiến người học từng học kỳ;

h) Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo kỹ năng mềm;

i) Các công việc khác theo sự phân công của Nhà trường.

- Nhiệm vụ của Phòng Thanh tra Giáo dục:

a) Thanh kiểm tra thường xuyên, định kỳ việc thực hiện đào tạo kỹ năng mềm theo quy định của Trường;

b) Tiếp nhận và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của sinh viên trong đào tạo kỹ năng mềm.

- Nhiệm vụ của Phòng Quản trị Thiết bị, Phòng Công nghệ thông tin:

a) Tổ chức các công việc nhằm đảm bảo phòng học và các cơ sở vật chất khác cho chương trình đào tạo kỹ năng mềm;

b) Tổ chức các công việc nhằm quản lý học viên, vệ sinh môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ.

c) Tổ chức việc trang bị máy móc thiết bị, mạng internet cần thiết phục vụ cho việc giảng dạy, học tập kỹ năng mềm;

- Phòng Công tác sinh viên:

a) Hỗ trợ trong việc thu thập ý kiến sinh viên và phản hồi về nhu cầu của sinh viên liên quan đến việc đào tạo Kỹ năng mềm.

b) Đề xuất các Kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên trong học tập và nghề nghiệp tương lai.

- Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp:

a) Hỗ trợ thu thập ý kiến của doanh nghiệp và phản hồi về nhu cầu của doanh nghiệp liên quan đến việc đào tạo Kỹ năng mềm cho nhân sự.

b) Đề xuất các Kỹ năng mềm cần thiết cho nguồn nhân lực trong tương lai.

- Các khoa chuyên môn:

c) Hỗ trợ trong việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên và doanh nghiệp và phản hồi về nhu cầu thị trường lao động đối với từng ngành nghề cụ thể.

d) Đề xuất các Kỹ năng mềm cần thiết cho nguồn nhân lực trong tương lai của ngành nghề cụ thể.

4.2. Về nhân sự

- Đơn vị phụ trách quản lý: Viện Đào tạo thường xuyên

- Đơn vị phụ trách đào tạo: Bộ môn Kỹ năng mềm

- Đội ngũ Giảng viên cơ hữu:

STT	Giảng viên	Chức vụ	Đơn vị
1	ThS. Trần Hữu Trần Huy	Phó trưởng BM	Viện ĐTTX
2	ThS. Nguyễn Võ Huệ Anh	Giảng viên	Viện ĐTTX
3	ThS. Nguyễn Thị Trường Hân	Giảng viên	Viện ĐTTX

4	TS. Bùi Thị Hoa	Giảng viên	Viện ĐTTX
5	ThS. Lê Nữ Diễm Hương	Giảng viên	Viện ĐTTX
6	ThS. Trần Thị Thảo	Giảng viên	Viện ĐTTX
7	ThS. Nguyễn Kim Vui	Giảng viên	Viện ĐTTX

- Đội ngũ Giảng viên thỉnh giảng:

STT	Giảng viên	Chức vụ	Đơn vị
1	ThS. Nguyễn Minh Hiền	Giảng viên	K. Lý luận Chính trị
2	ThS. Nguyễn Phạm Hạnh Phúc	Giảng viên	K. Du lịch
3	ThS. Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên	K. Thuế - Hải quan
4	TS. Phạm Hồng Hải	Giảng viên	Viện NCKTUD
5	ThS. Trần Xuân Hằng	Giảng viên	K. Thuế - Hải quan
6	ThS. Đinh Văn Hiệp	Giảng viên	ĐH Sài Gòn
7	ThS. Lý Thị Bích Hồng	Giảng viên	ĐH Hutech
8	ThS. Trần Thị Mơ	Giảng viên	K. Thuế - Hải quan
9	ThS. Trương Thanh Chí	Giảng viên	ĐH Sư phạm TĐTT
10	ThS. Huỳnh Quốc Tuấn	Giảng viên	ĐH Đồng Tháp
11	ThS. Nguyễn Đông Triều	Giảng viên	K. Marketing
12	ThS. Nguyễn Thành Đông	Chuyên viên	P. Công tác SV
13	ThS. Nguyễn Thị Nhiễm	Chuyên viên	Thư viện
14	TS. Bảo Trung	Giảng viên	K. Marketing
15	ThS. Nguyễn Văn Phong	Giảng viên	Viện NCKTUD

4.3. Về hoạt động đảm bảo chất lượng

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, một số hoạt động sau sẽ được thực hiện:

4.3.1. Đối với Bộ môn Kỹ năng mềm

- Định kỳ mỗi năm 1 lần, Bộ môn sẽ tổ chức rà soát, cập nhật và điều chỉnh Đề cương, Tài liệu học tập và Slide giảng dạy.
- Mỗi Học kỳ sau khi kết thúc hoạt động giảng dạy, Bộ môn sẽ tổ chức họp để đánh giá và tổng kết rút kinh nghiệm cho hoạt động giảng dạy của Học kỳ vừa qua, chuẩn bị cho kỳ thi kết thúc Học kỳ và định hướng công tác cho Học kỳ tới.
- Mỗi năm tổ chức 1 lần Hội thảo khoa học cấp Viện với chủ đề tập trung vào hoạt động đào tạo Kỹ năng mềm.
- Trong trường hợp có sự cố bất thường trong hoạt động giảng dạy cả về mặt quản lý hoặc chuyên môn, Bộ môn sẽ triệu tập họp bất thường chậm nhất trong vòng 3 ngày sau khi xảy ra sự cố để tìm nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục.
- Bên cạnh công tác chuyên môn, về mặt quản lý, Bộ môn tuân thủ những qui định của Trường và chịu trách nhiệm thi hành theo những quyết định của Trường và Viện Đào tạo thường xuyên trong thời gian nhanh nhất.
- Mỗi năm định kỳ tổ chức 01 buổi họp đánh giá và bình xét kết quả giảng dạy của Giảng viên thông qua báo cáo thu thập ý kiến người học của Bộ phận Khảo thí và Thanh tra.
- Viện Đào tạo thường xuyên kết hợp cùng Bộ môn thường xuyên tiến hành hoạt động khảo sát ý kiến người học để có thông tin kịp thời về hoạt động giảng dạy của Giảng viên và góp ý kịp thời.
- Dựa trên quan sát, quá trình giảng dạy, đánh giá giữa và cuối kỳ, giảng viên có thể đề xuất trực tiếp với Bộ môn và Viện ĐTTX xem xét và triển khai các hình thức giảng dạy, đánh giá phù hợp với người học, tính chất môn học và nhu cầu phát triển của xã hội

4.3.2. Đối với Giảng viên

- Mỗi học kỳ sẽ có ít nhất 30% Giảng viên được dự giờ đánh giá và góp ý về hoạt động giảng dạy của mình tại lớp
- Mỗi giảng viên cơ hữu của Bộ môn được phân công làm Điều phối viên phụ trách ít nhất 01 môn Kỹ năng để làm nhân tố nòng cốt tập hợp nguồn lực phát triển môn học mình phụ trách.
- Mỗi giảng viên đều được đánh giá cuối mỗi học kỳ và mỗi năm thông qua hoạt động đánh giá của Khảo thí và Thanh tra.

4.3.3. Đối với Sinh viên:

- Sinh viên sẽ được đánh giá kết quả học tập theo các hoạt động tại lớp và các hoạt động bên ngoài được Giảng viên giao thực hiện theo cá nhân/nhóm và được tính điểm thành phần cho từng hoạt động.

- Điểm bình quân môn học sẽ được tính theo tỷ lệ qui định điểm thành phần của từng môn học và được qui định cụ thể theo đề cương đính kèm. Giảng viên có trách nhiệm công bố cho sinh viên hình thức và phương pháp tính điểm ngay trong buổi học đầu tiên của môn học. Kết thúc buổi học cuối cùng, Giảng viên có trách nhiệm công bố điểm ngay tại lớp và cho sinh viên ký tên bảng điểm.

- + Sinh viên đạt kết quả điểm bình quân môn học từ 5/10 trở lên được công nhận kết quả Đạt đối với môn học đó.
 - + Các sinh viên có điểm số bình quân thấp hơn 5/10 sẽ được yêu cầu học lại.
- Chi tiết của việc đánh giá tham khảo đề cương chi tiết của từng Kỹ năng trong các Phụ lục.

4.4. Về cơ sở vật chất

Đề xuất cơ sở vật chất cho đào tạo KNM như sau:

STT	Cơ sở vật chất	Tiêu chí	Phụ trách
1	Phòng học	Có sức chứa và ánh sáng phù hợp với số lượng người học (tối đa 30 sinh viên/lớp học phần)	Phòng Quản trị thiết bị
2	Trang thiết bị	Ghế, bàn học theo nhóm (6 sinh viên/nhóm) Bảng + bút Máy chiếu Flipchart + Giấy A0	Phòng Quản trị thiết bị
3	Tài liệu học tập	Bản in bài giảng môn học	Thư viện

4.5. Về tài chính

Tham khảo nội dung đào tạo các học phần KNM tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Tp. HCM và cả nước về thời lượng đào tạo và mức thu học phí:

Đại học Kinh tế Tp.HCM: 3 triệu đồng/học viên (Chi phí trên bao gồm chi phí tài liệu học tập, văn phòng phẩm, nước uống, thi cuối khóa, cấp chứng chỉ)

Đại học Quốc gia Tp. HCM Học phí: 1.500.000 đồng/học viên/60 tiết.

Học Viện Tài chính: 1.274.000đ/01 học viên/khóa học (Đã bao gồm 30% học phí Học viện Tài chính hỗ trợ cho học viên)

Các trung tâm đào tạo kỹ năng mềm có tiếng như Brain Mark, BMG, BTC, Royal, GIAO, BOM, FTMS... chuyên đào tạo về kỹ năng cho những bạn trong chuyên ngành kinh tế như kỹ

năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, phân phối dịch vụ, kỹ năng thương thuyết, marketing... nhưng cũng có những lớp kỹ năng chung như kỹ năng giao tiếp hiệu quả, chinh phục người đối thoại, kỹ năng phỏng vấn xin việc, kỹ năng làm việc nhóm... cho các bạn khác ngành. Học phí ở các trung tâm này thường dao động 1,5 - 4 triệu/khóa tùy theo thời lượng mỗi khóa học (thường từ 2-20 buổi).

Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên theo học trình độ đại học tại trường và có tính cạnh tranh đối với sinh viên các cơ sở giáo dục đào tạo khác hoặc nhu cầu xã hội khi theo học Kỹ năng mềm tại UFM.

Nhóm thực hiện đề án đề nghị về mức thu - chi học phí đối với các học phần kỹ năng mềm như sau:

4.5.1. Thu tài chính

- Thu từ nguồn thu học phí sinh viên theo học tại trường các khóa tuyển sinh từ năm 2022 trở đi với mức thu bằng với mức thu các học phần trong từng chương trình đào tạo cho mỗi tín chỉ tương ứng.

- Thu đối với người học ngoài trường theo kế hoạch và thông báo.

- Mức thu: bằng với mức thu các học phần chính trong từng chương trình đào tạo cho mỗi tín chỉ tương ứng.

- Các nguồn thu đều tập trung thu theo quy định về phòng Kế hoạch-Tài chính

4.5.2. Chi tài chính

Thực hiện các nội dung chi theo quy chế chi tiêu của Viện ĐTTX sau khi đã được Ban giám hiệu phê duyệt trên tỷ lệ được trích cho Viện ĐTTX theo quyết định khoán tài chính đối với nội dung thu từ đào tạo Kỹ năng mềm cho một số nội dung sau:

• Chi phí giảng dạy trực tiếp:

- Các khóa tuyển sinh năm 2022: Đối với chương trình đã được tư vấn là miễn học phí Kỹ năng mềm, sẽ thực hiện như cam kết với xã hội, Viện Đào tạo thường xuyên tổ chức thực hiện đào tạo cho sinh viên và nhà trường chi trả các khoản phí có liên quan đến các lớp học này. Các chương trình có thu học phí Viện ĐTTX tổ chức thực hiện việc chi trả thù lao giảng dạy trực tiếp cho giảng viên theo quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.
- Các khóa tuyển sinh năm 2023: Sẽ thực hiện thu học phí theo quy định cho toàn bộ các chương trình đào tạo tại Trường, khi đó Viện ĐTTX sẽ thực hiện việc chi trả thù lao giảng dạy theo quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

• Chi phí quản lý và các chi phí khác

Căn cứ trên tỷ lệ tài chính được trích trên nguồn thu học phí đào tạo Kỹ năng mềm của Nhà Trường đối với Viện ĐTTX ngoài việc chi trả thù lao giảng dạy trực tiếp Viện thực hiện chi cho các nội dung quản lý và các chi phí khác như sau:

- Chi công tác quản lý cho các hoạt động của Viện: Toàn thể viên chức Viện trong nội dung chi thu nhập tăng thêm, khen thưởng..., chi thù lao cho các cộng tác viên làm việc toàn thời gian tại Viện.
- Chi phí viết giáo trình, bài giảng.
- Chi phát triển chất lượng nguồn nhân lực.
- Chi phát triển chất lượng nội dung chương trình đào tạo Kỹ năng mềm.
- Chi công tác hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong trường tham gia công tác đào tạo Kỹ năng mềm.
- Chi tạo nguồn cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường khi giới thiệu người học tham gia.
- Chi tổ chức thi cấp chứng nhận.

4.5.3 Mức khoán tài chính đề nghị:

Căn cứ mức thu học phí đối với các lớp KNM, các khoản chi thù lao giảng dạy trực tiếp, chi quản lý và chi phí khác, căn cứ đề nghị của Viện đào tạo thường xuyên về thu chi tài chính đối với đào tạo KNM, đề nghị mức khoán như sau:

- Chi phí giảng dạy trực tiếp: 20% trên tổng nguồn thu
- Chi phí quản lý, thu nhập tăng thêm GV bộ môn KNM: 20% trên tổng nguồn thu
- Chi tạo nguồn, phối hợp các đơn vị: 20% trên tổng nguồn thu

Tổng khoán chi: 60% trên tổng nguồn thu, cuối mỗi năm Viện Đào tạo thường xuyên tổng hợp quyết toán thu chi thông qua phòng Kế hoạch-Tài chính sẽ đề xuất với Ban Giám Hiệu xử lý phần chênh lệch thu chi.

Tất cả các nội dung chi sẽ được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ của Viện đào tạo thường xuyên sau khi được Hiệu trưởng duyệt nội dung. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng công khai và dân chủ trong toàn thể viên chức của Viện đào tạo thường xuyên.

4.6. Về việc công nhận chuyển đổi chứng chỉ KNM đối với sinh viên:

Sinh viên UFM hoàn toàn tự do trong việc sử dụng các chứng chỉ Kỹ năng mềm đã được cấp bởi các cơ sở đào tạo khác ngoài UFM để được công nhận Đạt yêu cầu về điều kiện đầu ra Kỹ năng mềm, nếu thỏa tất cả các điều kiện sau đây (theo trình tự từ 1 đến 4):

1. **Tên gọi của KNM:** tên của KNM trên chứng chỉ sinh viên muốn chuyển đổi phải phù hợp với tên KNM mà UFM đào tạo.
2. **Thời lượng học KNM** của chứng chỉ mà sinh viên muốn chuyển đổi phải đạt tối thiểu 15 tiết (hoặc 01 tín chỉ), sinh viên cung cấp minh chứng (thông báo tuyển sinh có thời lượng học tập hoặc giấy xác nhận của cơ sở đào tạo KNM).
3. **Nội dung học KNM** của chứng chỉ mà sinh viên muốn chuyển đổi phải tương ứng tối thiểu 80% đề cương KNM tương tự của UFM (sinh viên muốn công nhận chuyển đổi phải có trách nhiệm cung cấp đề cương môn học KNM mà mình đã có chứng chỉ từ cơ sở đào tạo khác ngoài UFM để làm minh chứng đối chiếu)

4.7. Về lộ trình triển khai đề án

Thời gian	Hoạt động	Nội dung	Thực hiện
1/2023 – 6/2023	Triển khai đề án	Giảng dạy; kiểm tra đánh giá Tổ chức tuyển sinh	Ban Giám hiệu Viện ĐTTX Phòng QLĐT
6/2023 – 12/2023	Đánh giá 6 tháng hoạt động đề án	Đánh giá hiệu quả, thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện đề án	Ban Giám hiệu Viện ĐTTX
		Đề xuất cải thiện: kinh phí, nhân sự, cách thực hiện,...	
1/2024	Đánh giá 1 năm hoạt động đề án	Đánh giá tổng quan về triển khai đề án Xem xét và xây dựng hình thức kiểm tra, đánh giá giữa và cuối kỳ phù hợp Bổ sung, nâng cấp nội dung đào tạo KNM	Các phòng ban liên quan